

Số: 113 /QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Dương

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/ 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương, Trường phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Dương (có Chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Trường phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- UBND tỉnh Hải Dương (báo cáo);
- Chủ tịch HĐQT;
- Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH&SDH.



TS. Vũ Đức Lễ



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH KẾ TOÁN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**  
Mã số: 8340301

(Ban hành kèm theo Quyết định số 113 /QĐ-ĐHHD ngày 05 tháng 4 năm 2022  
của Trường Đại học Hải Dương)

Tên ngành đào tạo : Kế toán  
Tên chương trình đào tạo : Kế toán  
Mã số : 8340301  
Trình độ đào tạo : Thạc sĩ định hướng ứng dụng  
Thời gian đào tạo : 2 năm

## **1. Mục tiêu đào tạo**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Thạc sĩ định hướng ứng dụng Kế toán nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý luận nền tảng, có hệ thống về các lĩnh vực của kế toán, kiểm toán; trang bị, rèn luyện và nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề quản lý hoặc các tình huống chuyên học phân kế toán, kiểm toán trong thực tiễn để có đủ năng lực trở thành một nhà quản lý thực tế.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể (PG)**

#### **1.2.1. Mục tiêu kiến thức**

PG1: Đào tạo các nhà Kế toán nắm vững hệ thống tri thức ngành, nhất là tri thức chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán để có thể nghiên cứu, giảng dạy và làm việc trong các cơ quan, tổ chức kinh tế từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực Kế toán. Đào tạo đội ngũ cán bộ có khả năng tổ chức công tác kế toán, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh tế và tổ chức tư vấn tại các đơn vị và tổ chức khác.

Nắm vững tri thức cơ bản và có hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

#### **1.2.2. Mục tiêu kỹ năng**

PG2: Đào tạo thạc sĩ Kế toán có trình độ, kiến thức chuyên sâu về Kế toán theo các kỹ năng cụ thể sau:

- Có kỹ năng và phương pháp giảng dạy Kế toán, tài chính và các học phần khác về kinh tế ở các trường đại học và cơ sở đào tạo về kinh tế

- Có năng lực tổ chức kế toán, lập kế hoạch tài chính tham mưu cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế;

- Có năng lực nắm bắt, phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống kinh tế, tài chính nảy sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế, tài chính;

- Khả năng cập nhật những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn; nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên học phần để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu và thực hành tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở địa phương, khu vực trong và ngoài nước.

### *1.2.3. Thái độ, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm*

**PG3:** Có ý chí vượt khó, tinh thần tích cực; Có đủ năng lực làm việc độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc phụ trách; Có tư tưởng chính trị ổn định, có chứng kiến; Hiểu biết và chấp hành luật pháp và qui định của tổ chức; Có sức khỏe tốt để làm việc.

## **2. Chuẩn đầu ra**

Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ Thạc sĩ gồm 15 chuẩn đầu ra (PLO), được xây dựng theo qui định khung năng lực của Bộ giáo dục và Đào tạo và áp dụng thang bậc năng lực Bloom. Học viên tốt nghiệp ngành Kế toán trình độ Thạc sĩ phải đạt được các yêu cầu năng lực sau đây:

### **2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

#### *2.1.1. Kiến thức*

- PLO1: Hiểu biết sâu rộng nền tảng khoa học, phương pháp xử lý hiệu quả về ứng dụng tri thức trong thực tiễn kinh tế.

- PLO2: Hiểu biết sâu rộng những luận điểm biện chứng và quan điểm, nhận thức về xã hội, chính trị, luật pháp, kinh tế ở những môi trường xã hội, thể chế kinh tế khác nhau.

- PLO3: Hiểu biết vững chắc nền tảng, quy chuẩn pháp luật về tổ chức, tài chính, quản lý, kiểm soát các loại hình hoạt động kinh doanh đương đại ở những hình thức tổ chức hoạt động khác nhau.

- PLO4: Thông thạo về các hình thức, nội dung, nghiệp vụ tổ chức, tài chính, quản lý, kiểm soát các loại hình hoạt động kinh doanh trên nền tảng công nghệ số trong môi trường kinh tế toàn cầu hóa, quốc tế hóa.

- PLO5: Nhận diện và hiểu biết sâu sắc về tính đương đại, hiện đại của tri thức kế toán, kiểm toán trên nền tảng kỹ thuật công nghệ số trong môi trường kinh tế toàn cầu hóa, quốc tế hóa.

- PLO6: Thành thạo những phương pháp kỹ thuật công nghệ phát hiện, xử lý một cách hiệu quả về chuyên học phần kế toán, kiểm toán trong thực tiễn.

- PLO7: Thành thạo những kỹ thuật công nghệ đương đại có tính đặc thù về khai thác, xử lý, truyền tải thông tin kế toán, kiểm toán.

#### *2.1.2. Chuẩn đầu ra Kỹ năng*

- PLO8: Sáng tạo và hiệu quả trong tiếp cận, nhận định, xử lý, phát triển chuyên học phần trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- PLO9: Có năng lực, sự hiệu quả trong thực tiễn lãnh đạo, tổ chức, vận hành kế toán, kiểm toán.

- PLO10: Sử dụng thành thạo các phương pháp kỹ thuật, công nghệ thông tin đương đại trong kế toán, kiểm toán và sự kết nối kế toán, kiểm toán với những lĩnh vực chuyên học phần kinh tế khác.

- PLO11: Sử dụng thành thạo ngôn ngữ quốc tế bậc 4/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để giao tiếp bằng lời nói, bằng văn bản trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- PLO12: Truyền đạt thông minh, hiệu quả những ý tưởng, quy trình, kết quả và những hình thức vận hành kế toán, kiểm toán đến từng đối tượng bằng những ngôn ngữ khác nhau.

#### *2.1.3. Chuẩn đầu ra mức độ tự chủ và trách nhiệm*

- PLO13: Đề cao tính tuân thủ các quy chuẩn pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và hoạt động kinh tế.

- PLO14: Đề cao tính tự giác, giá trị đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và hoạt động kinh tế.

- PLO15: Sáng tạo, đổi mới trong giải quyết, đúc kết, thực thi, truyền đạt chuyên môn, hành nghề kế toán, kiểm toán và hoạt động kinh tế, tài chính.

**Trình độ năng lực đánh giá theo thang năng lực Bloom, cụ thể:**

**1- Chuẩn Kiến thức (1-6):** 1- Ghi nhớ; 2- Hiểu; 3- Áp dụng; 4- Phân tích; 5- Đánh giá; 6- Sáng tạo

**2 - Chuẩn Kỹ năng (1-5):** 1- Bắt chước; 2- Làm được; 3- Chính xác; 4- Phối hợp; 5- Thuần thục.

**3 - Chuẩn Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm (1-5):** 1- Tiếp nhận; 2- Đáp ứng; 3- Đánh giá thảo luận; 4- Tổ chức thực hiện; 5- Đặc trưng hóa.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ**

3.1. Số học phần phải tích lũy: 21 học phần

3.2. Số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ.

- Khối kiến thức chung: 8 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 52 tín chỉ, trong đó:

+ Bắt buộc: 25 TC (cơ sở: 3 HP (8 TC); chuyên ngành: 6 HP (17 TC)

+ Tự chọn: 18 TC (cơ sở: 2 HP (4 TC); chuyên ngành: 7HP (14 TC)

+ Đề án tốt nghiệp: 9 TC (Tên đề án do học viên đề xuất phù hợp với định hướng chuyên sâu của các học phần chuyên ngành bắt buộc).

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Theo qui chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Hải Dương và Thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của Trường Đại học Hải Dương về đào tạo trình độ thạc sĩ quy định.

- Hoàn thành các học phần thuộc chương trình đào tạo.

- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 30 tháng 8 năm 2021.

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương.

- Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu.

**6. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ theo định hướng ứng dụng ngành Kế toán, người học có thể thực hiện các công việc:

- Giảng viên các trường đại học và cao đẳng;
- Các bộ nghiên cứu tại các viện nghiên cứu về kinh tế, quản lý, tài chính;
- Các công ty cần nhân lực kế toán, kiểm toán ở các loại hình và quy mô khác nhau.
- Cán bộ chương trình ở các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ, các dự án nâng cao năng lực;
- Tiếp tục tham gia đào tạo ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về chuyên ngành Kế toán, kiểm toán;

### 7. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hải Dương

### 8. Nội dung chương trình

#### 8.1. Cấu trúc kiến thức

**Bảng 01: Cấu trúc kiến thức trong chương trình đào tạo Kế toán trình độ Thạc sĩ**

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	<b>Kiến thức chung</b>	<b>08</b>
2	<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>12</b>
	1. Học phần bắt buộc	8
	2. Học phần tự chọn	4
3	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>40</b>
	1. Học phần bắt buộc	17
	2. Học phần tự chọn	14
	3. Đề án tốt nghiệp	9
<b>Tổng số học phần/tín chỉ</b>		<b>21/60</b>

## 8.2. Khung chương trình

TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
	Mã chuyên ngành	Số hiệu HP		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	
<b>I</b>			<b>Khối kiến thức chung</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	
	KTTH	501	Triết học	4	2	2	
	KTTA	502	Tiếng Anh	4	2	2	
<b>II</b>			<b>Khối kiến thức cơ sở</b>	<b>12</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	
<b>II.1</b>			<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	
	KTVM	503	Kinh tế vi mô	3	2	1	
	KTVIM	504	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	
	KTPP	505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	
<b>II.2</b>			<b>Các học phần tự chọn: 2/5 học phần</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	KTLK	506	Luật kinh tế	2	1	1	
	KTTK	507	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	2	1	1	
	KTTT	508	Tài chính - Tiền tệ	2	1	1	
	KTQH	509	Quản trị học	2	1	1	
	KTVN	510	Chuyên đề Kinh tế Việt Nam	2	1	1	
<b>III</b>			<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>	<b>31</b>	<b>17</b>	<b>14</b>	
<b>III.1</b>			<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>17</b>	<b>10</b>	<b>7</b>	
	KTTC	511	Kế toán tài chính nâng cao	3	2	1	
	KTQT	512	Kế toán quản trị nâng cao	3	2	1	
	KTKT	513	Kiểm toán nâng cao	3	2	1	
	KTPD	514	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
	KTHT	515	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	
	CĐTT	516	Chuyên đề thực tế	2		2	
<b>III.2</b>			<b>Các học phần tự chọn: 7/12 học phần</b>	<b>14</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	
	KTKS	516	Kiểm soát nội bộ	2	1	1	
	KTQT	517	Kế toán quốc tế	2	1	1	
	KTKC	518	Kế toán công	2	1	1	
	KTQL	519	Quản trị chiến lược	2	1	1	
	KTKL	520	Kinh tế lượng	2	1	1	
	KTNK	521	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh	2	1	1	
	KTCK	522	Chuyên đề kế toán tài chính	2	1	1	
	KTCQ	523	Chuyên đề kế toán quản trị	2	1	1	
	KTQT	524	Quản trị tài chính	2	1	1	
	KTKD	525	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1	
	KTTH	526	Thuế	2	1	1	
	KTTC	527	Tài chính công	2	1	1	
<b>III.3</b>	KTLV	528	<b>Đề án</b>	<b>9</b>		<b>9</b>	

## 8.3. Kế hoạch đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4
		<b>Khối kiến thức chung:</b>	<b>8</b>	<b>8</b>			
1	KTTH501	Triết học	4	4			
2	KTTA502	Tiếng Anh	4	4			
		<b>Khối kiến thức cơ sở:</b>	<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>		
3	KTVM503	Kinh tế học vi mô	3	3			
4	KTVIM504	Kinh tế học vĩ mô	3	3			
5	KTPP505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2			
6		Học phần tự chọn cơ sở 1	2		2		
7		Học phần tự chọn cơ sở 2	2		2		
		<b>Khối kiến thức chuyên ngành:</b>					
		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>17</b>	<b>3</b>	<b>12</b>		<b>2</b>
8	KTTC511	Kế toán tài chính nâng cao	3	3			
9	KTQT512	Kế toán quản trị nâng cao	3		3		
10	KTKT513	Kiểm toán nâng cao	3		3		
11	KTPD514	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3		3		
12	KTHT515	Hệ thống thông tin kế toán	3		3		
13		Chuyên đề thực tế	2				2
		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>14</b>			14	
14		Học phần tự chọn chuyên ngành 1	2			2	
15		Học phần tự chọn chuyên ngành 2	2			2	
16		Học phần tự chọn chuyên ngành 3	2			2	
17		Học phần tự chọn chuyên ngành 4	2			2	
18		Học phần tự chọn chuyên ngành 5	2			2	
19		Học phần tự chọn chuyên ngành 6	2			2	
20		Học phần tự chọn chuyên ngành 7	2			2	
		<b>Đề án</b>	<b>9</b>				<b>9</b>
21	Đề án TN	Đề án tốt nghiệp	9				9
		<b>Số học phần/Số tín chỉ</b>	<b>21/60</b>	<b>6/19</b>	<b>6/16</b>	<b>7/14</b>	<b>2/11</b>





## 9. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 02 năm, mỗi năm có 02 kỳ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Học viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau học viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ.

- Học viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: Học viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, hoàn thành luận văn thạc sĩ và bảo vệ thành công luận văn, đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, các quy định khác của trường.

## 10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

### 10.1. Triết học

Vai trò, vị trí của học phần: Triết học là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ. Học phần Triết học đã được học trọng mọi cấp học từ cao đẳng đến đại học, đã trang bị các kiến thức cơ bản về triết học, lịch sử triết học cũng như các nội dung cơ bản thuộc thể giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức, thực tiễn, các nội dung triết học về xã hội và con người... Đối với trình độ thạc sĩ được nghiên cứu sâu hơn mang tính ứng dụng cao vào thực tiễn. Học phần Triết học là cơ sở phương pháp luận về học thuyết trong nền kinh tế thị trường, tạo phong kiến thức rộng để học viên nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán.

Nội dung cơ bản của học phần: Chương trình học phần Triết học có 8 chương, trong đó gồm: Chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thể giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

Mục tiêu của học phần: Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội- nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới; Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội - nhân văn ở trình độ sau đại học.

### **10.2. Tiếng Anh**

Vai trò, vị trí của học phần: Tiếng Anh đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày từ việc giao tiếp đến những cơ hội trong học tập, làm việc, mở rộng các mối quan hệ để hợp tác kinh doanh quốc tế. Học viên cao học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Nội dung cơ bản của học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán gồm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết dành cho người đã đạt trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực tiếng Anh 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Mục tiêu chung của học phần: Giúp học viên đạt được chuẩn ngoại ngữ (tiếng Anh) theo quy định hiện hành. Cụ thể là khi kết thúc học phần, học viên có thể hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu biểu (standard input), rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,...; có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ; có thể viết đơn giản nhưng liên kết các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

### **10.3. Kinh tế vi mô**

Giúp học viên nắm các công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Những kỹ năng phân tích này sẽ rất hữu ích trong việc xây dựng và đánh giá các chính sách công trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế thị trường. Học phần cũng sẽ cung cấp một nền tảng vững chắc về kinh tế học phúc lợi ứng dụng cần thiết để có thể hiểu rõ được các học phần ứng dụng khác, chẳng hạn như là lý thuyết ngoại thương, kinh tế công, phân tích và đánh giá dự án và kinh tế môi trường.

Khi hoàn tất học phần, học viên sẽ có sự am hiểu về các nguyên tắc kinh tế và có thể áp dụng những nguyên tắc này để cải thiện việc phân tích và đánh giá cũng như xây dựng các chính sách công cộng.

#### **10.4. Kinh tế vĩ mô**

Học phần này được chia làm 3 phần chính sau đây. Phần đầu tiên chỉ ra tác động của chính sách ngân sách và tiền tệ trong khuôn khổ của mô hình IS-LM. Trọng tâm của phần này là phân tích nền tảng kinh tế vĩ mô của các bộ phận cấu thành tổng cầu. Phần thứ 2 trình bày tổng quát mô hình tổng cung và tổng cầu và những mô hình giải thích chu kỳ kinh doanh hiện đại và các lý thuyết về chính sách kinh tế vĩ mô. Phần cuối cùng trình bày các mô hình tăng trưởng kinh tế.

#### **10.5. Luật kinh tế**

Học phần nhằm trang bị cho học viên chương trình đào tạo thạc sĩ kinh tế những hiểu biết về nội hàm của pháp luật kinh tế Việt nam trong điều kiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường; tác động của hội nhập lên quá trình xây dựng khung pháp luật Việt Nam. Những kiến thức về quyền và nghĩa vụ của nhà kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế được quan tâm và đề cập sâu, đặc biệt trong tình hình cạnh tranh đang diễn ra gay gắt. Chương trình đào tạo luật kinh tế hướng đến giúp người học hiểu đúng và đủ những yêu cầu về mặt pháp lý để hạn chế vi phạm và không bị người khác vi phạm trong kinh doanh.

#### **10.6. Thống kê ứng dụng trong KD**

Dựa trên những kiến thức cơ bản về các phương pháp thống kê đã được trang bị cho sinh viên bậc đại học, học phần nhằm cung cấp cho học viên cao học các phương pháp thống kê ứng dụng nâng cao phù hợp với nhu cầu đào tạo. Đây là kiến thức nền tảng cần thiết cho người học trong việc xây dựng và phân tích các mô hình kinh tế trong việc đánh giá và hoạch định các chính sách kinh tế. Học phần giới thiệu một số mô hình phân tích, những phương pháp ước lượng các mô hình hồi qui với biến phân loại, những phương pháp kiểm định phi tham số, đánh giá và sử dụng các mô hình trong dự báo phục vụ cho các nghiên cứu trong kinh tế, lý thuyết ra quyết định.

Đây là chương trình được thiết kế nâng cao bổ sung nhiều mảng kiến thức so với chương trình đại học mà học viên đã được học. Những mảng kiến thức này sẽ rất thiết thực cho nghiên cứu và hoạch định chính sách.

#### **10.7 Tài chính - Tiền tệ**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các học phần nghiệp vụ thuộc khối ngành kinh tế.

*Thứ nhất:* Sau khi kết thúc học phần này, học viên phải nắm vững những kiến thức lý luận chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - tiền tệ như:

Các cách tiếp cận khác nhau về tài chính, các xu hướng đổi mới tài chính - tiền tệ của thế giới và Việt nam; vai trò quản lý và can thiệp của Nhà nước bằng các công cụ tài chính vào các hoạt động tài chính - tiền tệ.

Các thể chế tài chính; các nguồn tài trợ cho phát triển kinh tế; cấu trúc tài chính doanh nghiệp và khuynh hướng tài trợ tài doanh nghiệp; thị trường tài chính.

Hệ thống tiền tệ và cung cầu tiền tệ, kiểm soát tiền tệ; khủng hoảng tài chính - tiền tệ.

Tài chính quốc tế, tự do hóa tài chính, đồng tiền chuyển đổi tự do và các dòng vốn quốc tế.

*Thứ hai:* Học viên biết vận dụng các lý luận chuyên sâu về tài chính - tiền tệ để phân tích và xây dựng chính sách và cơ chế tài chính; nâng cao khả năng dự báo, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của tài chính - tiền tệ.

### **10.8. Phương pháp NCKH**

Ngoài phần giới thiệu chung về học phần, học phần sẽ đi theo trình tự quá trình nghiên cứu; từ công việc xác định vấn đề đến khâu tổ chức thu thập số liệu, thiết kế đo lường và xử lý, phân tích dữ liệu. Những bài báo quốc tế cũng được giới thiệu để mô tả các cách nghiên cứu định lượng và định tính trong lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, tài chính và kế toán. Học phần nhằm trang bị học viên khả năng thiết kế, tổ chức và triển khai công việc nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế. Qua đó, có thể ra các quyết định trong quản lý có khoa học hơn.

### **10.9. Quản trị học**

Học phần này được thiết kế nhằm nâng cao kiến thức của các nhà quản trị trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của công ty và ứng phó hiệu quả với môi trường kinh doanh thay đổi, tính đặc thù của quản lý trong môi trường kinh doanh Việt nam và những thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế đòi hỏi các nhà quản trị doanh nghiệp phát triển những kỹ năng quản trị mới trong bối cảnh hiện nay.

Học phần được thiết kế nhằm phát triển kỹ năng quản trị. Học phần sẽ tập trung vào những kỹ năng chính: Quản trị và nhà quản trị, những thay đổi trong phong cách quản trị hiện nay, hoạch định, ra quyết định, tổ chức bộ máy doanh nghiệp, giao quyền, giải quyết vấn đề, khóa học sẽ trang bị cho các học viên các kỹ năng lãnh đạo và động viên hiệu quả. Đặc biệt là khóa học sẽ chú trọng vào việc ứng dụng những lý thuyết và kỹ năng lãnh đạo và động viên trong điều kiện Việt Nam nói chung và các công ty Việt Nam nói riêng.

### **10.10. Chuyên đề kinh tế Việt Nam**

Chuyên đề Kinh tế Việt Nam được xây dựng bao gồm 4 chương, đề cập một cách khái quát và toàn diện các nội dung chính của Kinh tế Việt Nam hiện nay.

- Chương 1 nghiên cứu về thể chế kinh tế và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
- Chương 2 nghiên cứu về các chính sách kinh tế chủ yếu ở Việt Nam hiện nay như: Chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài.
- Chương 3 nghiên cứu về các lĩnh vực kinh tế như: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.
- Chương 4 nghiên cứu về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Đặc biệt là mối quan hệ của Việt Nam với các tổ chức kinh tế quốc tế như: WTO, ASEAN, APEC, ASEM...

### **10.11. Kế toán Tài chính nâng cao**

Đây là học phần có vai trò chủ yếu trong việc nâng cao và hoàn thiện trình độ nhận thức, trình độ lý luận và khả năng thực hành công tác kế toán ở các doanh nghiệp cho các học viên là các cử nhân chuyên ngành kế toán. Kiến thức trang bị cho học viên là những vấn đề chuyên sâu và những tình huống đặc biệt của kế toán tài chính mà trong chương trình đào tạo trình độ đại học, chuyên ngành kế toán, kiểm toán, sinh viên chưa được hướng dẫn. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính, giúp cho sinh viên lĩnh hội bản chất của các nguyên tắc ghi nhận và đo lường kế toán đối với những trường hợp đặc thù như hợp nhất kinh doanh, giao dịch giữa các bên có liên quan, lựa chọn chính sách kế toán và thuế trong doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng xem xét, phán đoán, đánh giá các điều kiện và tình huống kinh doanh để vận dụng các chính sách kế toán phù hợp nhằm đạt được mục tiêu quản trị của doanh nghiệp.

### **10.12. Kế toán Quản trị nâng cao**

Học phần này cung cấp kiến thức chuyên sâu liên quan đến việc sử dụng thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và đưa ra các quyết định của nhà quản lý. Sau khi hoàn tất học phần này, học viên cao học có thể vận dụng kiến thức về kế toán quản trị để giải quyết các tình huống về kế toán quản trị thực tế phát sinh tại các doanh nghiệp. Cụ thể:

- Phát triển theo chiều rộng và chiều sâu các kiến thức về kế toán quản trị đã được đề cập trong chương trình đại học.
- Phát triển kỹ năng tự nghiên cứu của học viên cao học.
- Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm của học viên cao học.

### **10.13. Kiểm toán nâng cao**

Học phần Kiểm toán nâng cao dựa trên cơ sở các kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán đã được trang bị ở chương trình đại học bao gồm khái niệm, quy trình kiểm toán và kỹ thuật kiểm toán các khoản mục của báo cáo tài chính.

Trên cơ sở đó, học phần Kiểm toán nâng cao phát triển các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán độc lập và những hoạt động kiểm toán khác trong nền kinh tế thị trường; tiếp cận dưới góc độ hệ thống hóa các vấn đề lý luận và cập nhật những xu hướng phát triển mới hiện nay trong lĩnh vực kiểm toán trên thế giới.

Học phần Kiểm toán nâng cao có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong chương trình cao học ngành kế toán như Kế toán tài chính nâng cao, Kế toán quản trị nâng cao và Hệ thống thông tin kế toán: Một mặt, học phần này dựa trên các kiến thức của các học phần khác để phát triển các kỹ thuật, quy trình của riêng mình; mặt khác, học phần này bổ sung cho các học phần khác cách thức tiếp cận dưới góc độ cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn cho doanh nghiệp.

### **10.14. Phân tích Tài chính DN**

Học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp nhằm trang bị cho học viên khả năng chẩn đoán, phân tích, dự báo hoạt động tài chính doanh nghiệp trên cơ sở thông tin các báo cáo tài chính. Các vấn đề về phân tích tài chính trong điều kiện có rủi ro, và hình thành thị trường chứng khoán ở nước ta cũng được đề cập trong học phần này.

Các nội dung được giảng dạy ở bậc cao học kế thừa các kiến thức cơ sở ở bậc đại học, bổ sung thêm những nội dung mới và cập nhật những kiến thức cao cấp chưa được giảng dạy ở bậc đại học.

Trong chương trình cao học ngành kế toán, các kiến thức được cung cấp trong học phần này một mặt giúp người học cơ sở để tiếp cận những phương pháp xử lý kế toán trong môi trường tài chính hiện đại, mặt khác trang bị các kiến thức và kỹ năng tài chính cho công việc quản trị tài chính, kế toán ở cấp cao trong các tổ chức.

### **10.15. Hệ thống thông tin Kế toán**

Đây là học phần nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức về áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán.

Sau khi học xong học phần này, học viên phải đạt được các yêu cầu sau:

- Hiểu rõ vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán.
- Có kiến thức chuyên sâu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán.
- Có khả năng thực hiện công tác của chuyên viên phân tích hệ thống.

### **10.16. Kiểm soát nội bộ**

Kiểm soát là một chức năng quan trọng của quản lý, nó gắn liền với mọi hoạt động, ở đâu có quản lý thì ở đó có kiểm tra, kiểm soát. Kiểm soát nội bộ là kiểm soát do các nhân viên của một tổ chức tiến hành nhằm đảm bảo cho các hoạt động của các tổ chức đạt được mục tiêu đã định. Kiểm soát nội bộ có vai trò vô cùng quan trọng trong các tổ chức, đặc biệt là trong các doanh nghiệp.

Học phần Kiểm soát nội bộ nhằm cung cấp cho các học viên những kiến thức cơ bản về hệ thống kiểm soát nội bộ trong một đơn vị cơ sở, chủ yếu là ở các doanh nghiệp. Đây là một trong những chuyên đề giảng cho học viên cao học ngành Kế toán của trường.

Để học tốt học phần này, học viên cần nắm các kiến thức cơ bản của các học phần Quản trị kinh doanh, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị. Chuyên đề này cũng giúp học viên hiểu tốt hơn học phần kiểm toán.

### **10.17. Kế toán quốc tế**

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của kế toán quốc tế; sự hài hòa và vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại các nước; cũng như đối chiếu chuẩn mực kế toán của Việt Nam với chuẩn mực kế toán quốc tế. Qua đó, học viên có thể nhận thức quá trình hội nhập của Việt Nam với các thông lệ chung của kế toán quốc tế; cũng như đánh giá sự khác biệt về đo lường và trình bày báo cáo tài chính.

Học phần giúp sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng đến việc phát triển kế toán ở các nước trên thế giới.
- Những nguyên tắc cơ bản trong các chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

- Đối chiếu những khác biệt giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và IFRS.

- Tăng cường khả năng ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán.

### **10.18. Kế toán công**

Học phần này giới thiệu các vấn đề cơ bản về kế toán công như: Kế toán ngân sách Nhà nước, kế toán kho bạc, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ở cơ quan thu và giới thiệu chuẩn mực kế toán công quốc tế.

### **10.19. Quản trị chiến lược**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức rộng về các nhân tố, các cơ chế và quá trình liên quan đến việc thiết lập và duy trì các hoạt động quản trị chiến lược một cách hữu hiệu, cung cấp cho họ khả năng đánh giá một cách nghiêm túc và thực thi các vấn đề chiến lược trong môi trường kinh doanh hiện đại.



### **10.20. Kinh tế lượng**

Dựa trên những kiến thức cơ bản về xây dựng mô hình hồi qui đã trang bị cho sinh viên bậc đại học, học phần cung cấp cho học viên cao học các phương pháp kinh tế lượng nâng cao giúp trang bị thêm cho sinh viên một số phương pháp xử lý dữ liệu phù hợp với các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển... Đây là kiến thức nền tảng cần thiết cho người học trong việc xây dựng và phân tích các mô hình kinh tế lượng phục vụ việc đánh giá và hoạch định các chính sách trong chuyên ngành có liên quan.

### **10.21. Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh**

Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh là học phần phát triển dựa trên sự ứng dụng các công cụ thống kê để giúp nhà quản lý có thể thu thập, phân tích và diễn giải các kết quả của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hệ thống, có tính khoa học và độ tin cậy cao. Là một học phần ứng dụng, học phần này không đi sâu vào nghiên cứu các lý thuyết thống kê. Học phần ứng dụng các công cụ thống kê phù hợp cho từng hình hướng cần nghiên cứu trong kinh doanh. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học biết cách trình bày kết quả nghiên cứu một cách khoa học và phù hợp với môi trường ứng dụng, đáp ứng yêu cầu quản lý thực tế.

### **10.22. Chuyên đề Kế toán Tài chính**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu trong kế toán tài chính. Các chủ đề nghiên cứu được phân tích theo mục tiêu, tình huống và phương pháp nghiên cứu kèm theo những minh họa điển hình sẽ giúp cho sinh viên lĩnh hội bước đầu về công việc nghiên cứu trong kế toán tài chính, từ đó vận dụng để làm luận văn tốt nghiệp và thực hiện nghiên cứu về sau.

### **10.23. Chuyên đề Kế toán Quản trị**

Học phần này giới thiệu những chủ đề chuyên sâu trong kế toán quản trị được áp dụng thành công tại các nước tiên tiến trong thời gian gần đây. Một vài đề tài được trình bày trong phần này là chi phí mục tiêu (được áp dụng thành công tại Nhật), Phương pháp tính giá dựa trên hoạt động và lập dự toán dựa trên hoạt động (áp dụng thành công ở Châu Âu và Bắc Mỹ), cân bằng tỉ số (balance Scorecard) được áp dụng thành công tại Bắc Mỹ... Học phần còn đề cập đến vấn đề thông tin kế toán quản trị phục vụ cho các phương pháp quản lý hiện đại như Kenzen, JIT, TQM...

Học phần này nhằm giúp sinh viên tìm hiểu sâu hơn những vấn đề đã được trang bị trong học phần kế toán quản trị để chuẩn bị viết luận án tốt nghiệp. Ngoài ra, sinh viên còn nắm thêm những vấn đề mới hiện tại để xem xét khả năng vận dụng trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam.

#### **10.24. Quản trị tài chính**

Học phần này nhằm đến mục tiêu giúp sinh viên hiểu sâu hơn và có thể áp dụng tốt hơn các khái niệm tài chính đã học ở chương trình đại học với sự tập trung hơn về trách nhiệm của nhà quản trị tài chính trong việc đóng góp vào hiệu quả hoạt động hằng ngày cũng như hiệu quả lâu dài của công ty.

#### **10.25. Quản trị kinh doanh quốc tế**

Học phần sẽ bao gồm các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh trong môi trường quốc tế. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của kinh doanh quốc tế và quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh quốc tế, học phần đi sâu phân tích các yếu tố của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đối với hoạt động quản trị của doanh nghiệp; phân tích các chiến lược và cơ cấu tổ chức của các công ty đa quốc gia - chủ thể chủ yếu và quan trọng nhất trong kinh doanh quốc tế hiện nay; và các phương thức thâm nhập vào thị trường quốc tế của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, trên cơ sở nhận thức buôn bán quốc tế là một hoạt động kinh doanh quốc tế chủ yếu hiện nay của các doanh nghiệp ở các nước đang phát triển, học phần cũng bao gồm các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán quốc tế.

#### **10.26. Thuế**

Học phần Thuế là học phần ứng dụng các mô hình đánh giá chính sách trong nghiên cứu tài chính. Học phần có thời lượng 3 tín chỉ dành cho sinh viên cao học, chuyên ngành Kế toán.

Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoàn thiện chính sách thuế, sử dụng hữu hiệu công cụ thuế. Bên cạnh đó, học viên còn được trang bị khả năng phân tích tác động kinh tế của thuế; phân tích chính sách thuế trong mối liên hệ hữu cơ với những chính sách khác của chính phủ; phân tích lợi ích - chi phí khi sử dụng thuế.

#### **10.27. Tài chính công**

Học phần Tài chính công đã được giảng dạy trong chương trình đại học chuyên ngành Tài chính công. Đối với chuyên ngành Kế toán, một số nội dung thuộc nghiệp vụ quản lý tài chính công cũng đã được giảng dạy tùy từng trường (chẳng hạn các học phần về Nghiệp vụ quản lý Kho bạc nhà nước, cấp phát vốn xây dựng cơ bản...). Tuy nhiên, cách tiếp cận của chương trình là cung cấp các kiến thức và hình thành kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ riêng biệt trong lĩnh vực tài chính công.

Trong chương trình đào tạo cao học, học phần này được thiết kế như là một học phần tự chọn trong các học phần chuyên ngành. Học phần không đi sâu vào các nghiệp vụ cụ thể và chú trọng đến phân tích tác động của các quyết định thuộc chính sách tài chính công của Nhà nước và các mô hình lấy quyết định về thu thuế và chi tiêu công.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán là một học phần chuyên ngành đi sâu vào một học phần hẹp là Quản lý tài chính công, nó được thiết kế như là một học phần chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán.

**TRƯỜNG KHOA**



**TS. Nguyễn Thị Đào**



**TS. Vũ Đức Lễ**

